

Bài 6

Những cơn cám dỗ

*Từ Surate tới Masulipatan
Những cơn cám dỗ
Con rắn đồng*

Ngày 6 tháng 3 năm 1662, từ thành phố Surate, Đc Lambert và hai thừa sai đặt chân tới được thành phố Masulipatan, sau 40 ngày đi bộ xuyên ngang trọn xứ Ấn Độ.

Thêm một lần nữa, các vị thừa sai người Pháp chứng kiến tận mắt những cảnh phản truyền giáo nơi các linh mục tu sĩ từ Âu châu sang. Gương mù gương xấu của họ có thể khiến cho các thừa sai mới đến nản lòng, nản chí, bị cám dỗ quay trở lại quê hương.

Chúng ta sẽ đọc lại một vài trang ký sự của Đc Lambert để đón nhận chứng tá của ngài và để lắng nghe lời khuyên của ngài khi bị cám dỗ.

Từ Surate tới Masulipatan.

(AMEP, tập 121, trang 621-622)

« Từ Surate tới Masulipatan, các thừa sai không ngừng phải than phiền, trên đường các ngài đi, đầy tràn những tượng thần mà các dân này thờ phượng, đa số thờ ngẫu tượng. Người ta không khỏi ngạc nhiên trước sự mù quáng của những con người đáng thương này, họ sống khắc khổ, đơn sơ, mê tín và tin rằng họ đi đúng đường hướng.

Có những tu sĩ sống ngay trong thành phố, dưới quyền một bề trên, cả ngày chiêm niệm (thiền), chỉ ăn ngày một bữa cơm rau thối. Người ta thấy có những người làm việc đền tội công khai như trát tro trên người, trên đầu, trên râu, để móng tay dài ba bốn đốt, có một tay luôn luôn giơ lên, người khác giơ hai tay lên trời hay giang tay và rồi không còn khả năng xử dụng được nữa, phải nhờ người khác đút cho ăn, cho uống như con nít, nếu không chắc chắn sẽ chết.

Phải thú thật rằng bản tường thuật và cách nhìn các sự kiện, nặng phần tình cảm, nhưng cái làm cho các nhà thừa sai buồn nhất, đó là thấy rằng đạo thánh có thể được truyền bá hoàn toàn tự do. Nhà thờ Masulipatan được mở rộng cửa cho mọi người như ở Âu châu, bên Ấn độ cũng như ở các nơi đang diễn ra công cuộc truyền giáo.

Nhưng lạ Chúa vô cùng nhân hậu, Chúa không có những tội tở để rao giảng bằng lời nói và gương sáng. Trái lại, cứ xét theo những châm ngôn và cách ăn ở của họ, thì họ chỉ giúp củng cố thêm những người Hồi giáo và ngoại giáo trong việc thờ ngẫu tượng của họ, chứ không phải để giúp người ta cải tà quy chính.

Tuy nhiên, sẽ không cứu vãn được tình trạng này, nếu người ta cứ tiếp tục sử dụng các thừa sai loại đó, hoặc những người đã có các thói tật xấu. Tình trạng ở đây suy đồi đến mức mà người nào có thiện tâm muốn vạch ra những khuyết điểm và tính xấu của các giáo sĩ và tu sĩ, sẽ bị coi là kẻ thù công khai và bị đối xử đúng như vậy. Nếu được phép

nói ra tất cả những gì mà mọi người ở xứ này đều đã biết về tình hình tôn giáo ở Goa và ở các lãnh thổ thuộc quyền người Bồ Đào Nha, người ta sẽ thấy rằng hàng giáo sĩ phần đông không ăn học và không có hạnh kiểm tốt, và các tu sĩ không còn giữ hiến pháp của họ, những thói tục không tốt đã du nhập vào cộng đoàn làm cho họ không còn biết vâng lời các bề trên.

Về khó nghèo, hầu hết tất cả các dòng tu đều kinh doanh và cho vay lấy lời, ngay cả có những tu sĩ có riêng 10, 20, 30, 40, tới 50.000 ê-cu.

Còn về đức khiết tịnh, có bao nhiêu vụ vấp phạm nơi số đông tu sĩ đến nỗi một người lương thiện có gia đình, không dám cho tu sĩ năng tới nhà ông ta mà không sợ mang tiếng.

Hẳn là do những sai phạm quái gở ấy mà người ta thấy bàn thờ này chống lại bàn thờ kia, và trong các cuộc rước kiệu công khai và trọng thể, có giáo sĩ và tu sĩ mang dưới tu phục họ những giao găm và súng đạn, mà đôi khi họ sử dụng để tàn sát lẫn nhau.

[...]

Phải thú thật rằng cái đã làm cho các công cuộc truyền giáo không sinh hoa trái, đó là vì các bề trên các dòng chỉ biết lo sao cho các tu sĩ họ gửi đi truyền giáo có khả năng về khía cạnh vật chất của công vụ, hơn là lo sao cho họ mở mang được đạo Chúa.

(Bản dịch của Sr Huynh Quảng, Việt Nam)

Chúng ta hiểu nỗi thất vọng và cơn giận của Đc Lambert khi gặp những cảnh phản truyền giáo kể trên. Nơi ngài, đi truyền giáo là một hồng ân cao cả Chúa ban, là một « công tác cao siêu » như ngài thường nói. Ngài vốn quan niệm đi truyền giáo là « tiếp tục hy lễ mà Đấng Cứu Thế đã khởi sự lúc Ngài nhập thể và sẽ tiếp tục trong các tâm hồn trung tín một cách tuyệt diệu cho tới ngày tận thế ».

Nay, gặp thấy sự thực đáng buồn, có lẽ không những ngài thất vọng, nổi giận, mà còn cảm thấy chút nào nản chí nữa.

Những con cám dỗ.

(AMEP, tập 121, trang 622-623)

« Đây không phải là ra ngoài đề, khi cảnh báo những ai sẽ tới làm việc tại các xứ truyền giáo ở các vùng xa xôi nhất về một số mưu chước cám dỗ quấy phá tâm trí. Đó là khi Chúa muốn thử thách sự trung tín của thọ tạo của Ngài, hay khi ma quỷ, đứng hơn con người tự nhiên, bị ma quỷ xúi giục khi nó không ngăn cản được các nhà truyền giáo dừng đi, thì nó làm cho tâm trí các ngài cứ lớn vờ ý tưởng các ngài sẽ chẳng làm được gì nhiều ở nơi sẽ tới, các ngài đã bỏ mọi bắt bóng, các ngài làm được nhiều việc hơn nếu ở lại trong nước mình.

Ma quỷ cho thấy nguy cơ đang đe dọa các ngài và các dịp sa ngã, vì ở đây rất dễ hư mất. Ma quỷ nhắc tới tình trạng quê hương, những gì tốt đẹp mà các ngài đã để lại như thân nhân bạn bè, những người đạo đức mà các ngài quen biết, các công việc mà các ngài có thể giúp cho phát triển, cuộc sống yên lành, êm ái, các ngài có thể có, với niềm tin sẽ được ơn cứu rỗi. Trái lại, nhìn về tương lai, chỉ thấy những sợ hãi, bất an, tăm tối, cảm giác bị bỏ rơi và những đau khổ ghê gớm không tránh được. Tất cả những điều đó làm bại hoại tâm hồn và tác động cả trên con người hạ giới, con người này luôn luôn có khuynh hướng rời bỏ cuộc sống nó đang sống, là cuộc sống đức tin mà nó không biết gì hết.

Linh hồn được soi sáng đầy đủ, nhận ra có ba cách chống trả các con cám dỗ trên :

- Cách thứ nhất là đẩy lui chúng ngay từ đầu.
- Cách thứ hai là để cho chúng vào để dễ diệt chúng hơn.
- Cách thứ ba là để Chúa đánh thắng chúng.

Nhưng con đường [sau cùng] này mặc dầu là con đường vinh quang nhất, vượt mọi vinh quang, không phải là con đường nên khuyên tất cả mọi người dùng, vì nó giả thiết một tâm hồn đã hoàn toàn mặc lấy Chúa Kitô, hoàn toàn chìm đắm trong Người, luôn luôn được Thần Khí của Người hướng dẫn, đã trở nên không và hoàn toàn để Chúa hoạt động.

Mỗi người tùy theo ơn Chúa, sẽ chọn cách nào phù hợp nhất với mình. »

Những lời phân tích và chỉ dẫn trên của Đc Lambert, viết tại Ấn Độ vào tháng 3 năm 1662, có thể hữu ích cho chúng ta. Bởi vì những con cám dỗ mà ngài nêu ra là những con cám dỗ rất quen thuộc nơi con người. Đó là những lúc chúng ta chán nản hiện tại, nghi ngờ tương lai, muốn đổi hướng quay về quá khứ.

Ngày xưa, dân Do Thái cũng đã rơi vào con cám dỗ này trong sa mạc, trên đường về Đất Hứa.

Con rắn đồng.

(trích sách Dân Số, chương 21)

« Trong cuộc hành trình qua sa mạc, dân Ít-ra-en mất kiên nhẫn.

⁵ Họ kêu trách Thiên Chúa và ông Mô-sê rằng : « Tại sao lại đưa chúng tôi ra khỏi đất Ai-cập, để chúng tôi chết trong sa mạc, một nơi chẳng có bánh ăn, chẳng có nước uống ? Chúng tôi đã chán ngấy thứ đồ ăn vô vị này. »

⁶ Bấy giờ ĐỨC CHÚA cho rắn độc đến hại dân. Chúng cắn họ, khiến nhiều người Ít-ra-en phải chết.

⁷ Dân đến nói với ông Mô-sê : « Chúng tôi đã phạm tội, vì đã kêu trách ĐỨC CHÚA và kêu trách ông. Xin ông khẩn cầu ĐỨC CHÚA để Người xua đuổi rắn xa chúng tôi. » Ông Mô-sê khẩn cầu cho dân.

⁸ ĐỨC CHÚA liền nói với ông : « Người hãy làm một con rắn và treo lên một cây cột. Tất cả những ai bị rắn cắn mà nhìn lên con rắn đó, sẽ được sống. »

⁹ Ông Mô-sê bèn làm một con rắn bằng đồng và treo lên một cây cột. Và hễ ai bị rắn cắn mà nhìn lên con rắn đồng, thì được sống. »

(Gioan 3)

¹⁴ Như ông Mô-sê đã giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được giương cao như vậy,

¹⁵ để ai tin vào Người thì được sống muôn đời.

< >